

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST
Ngày 27- 8 - 2024
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Tống Thị Hà
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Thoa
Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Trung, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 71/2024/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024, về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Phi K, sinh năm 1967

Cư trú tại: SN C thôn C, phường L, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt có lý do).

Bị đơn: Ông Mai Văn T, sinh năm 1972

Trú tại: Khu phố Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 24/6/2024 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phi K trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Mai Văn T đến với nhau tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 07/10/2022 tại UBND phường Đ, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa. Do vợ chồng là rồ rá cặp lại nên có nhiều điểm không hợp nhau dẫn đến thường xuyên to tiếng cãi vã nhau, thực tế hai bên đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2024 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà làm đơn đề nghị Toà án nhân dân thị xã Bỉm Sơn giải quyết cho bà được ly hôn với ông Mai Văn T.

-Về con cái: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Về phía bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, ông **Mai Văn T** đã được Toà án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, hai lần triệu tập nhưng ông **T** không đến Toà án làm việc, không thể hiện quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 24/7/2024 Toà án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số: 71/TB-TA ngày 18/7/2024. ông **T** vắng mặt không có lý do, bà **K** có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải. Vì vậy, Toà án căn cứ vào khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn đề nghị Toà án xét xử vụ án vắng mặt, bị đơn ông **Mai Văn T** có mặt. Vì vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà **K**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa HĐXX nhận định:

[1] Xét về quan hệ pháp luật: Bà **Nguyễn Thị Phi K** khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân thị xã Bim Sơn giải quyết cho bà được ly hôn với ông **Mai Văn T**. Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn”; Bị đơn cư trú tại **phường Đ, thị xã B**, vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thị xã Bim Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự;

[2] Về yêu cầu của đương sự HĐXX thấy:

- Về hôn nhân: Bà **Nguyễn Thị Phi K** và ông **Mai Văn T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại **UBND phường Đ, thị xã B** đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vì tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau. Vì vợ chồng đều kết hôn lần 2 nên có nhiều quan điểm không hợp nhau, dẫn đến thường xuyên to tiếng cãi vã nhau, thực tế hai bên đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2024 và không ai quan tâm đến ai. Tại phiên tòa ông **T** cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai ông bà là vì bà **K** có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên mới làm đơn ly hôn, ngoài ra vợ chồng không có nguyên nhân nào khác. Nay bà **K** yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn ông không đồng ý vì ông muốn giải quyết xong phần tài sản ông mới đồng ý ly hôn. HĐXX thấy, bà **K**, ông **T** đến với nhau là lần 2, không có tiếng nói chung, từ khi Toà án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, hai bên không chủ động gặp gỡ để vợ chồng hoà giải, tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng và vợ chồng cũng đã ly thân nhau hơn nửa năm nay, không ai quan tâm đến ai. Như vậy chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà **K** cương quyết xin ly hôn, nên chấp nhận cho bà **K** được ly hôn ông **T** là phù hợp.

- Về con cái: Vợ chồng không có con chung nên không đề nghị giải quyết nên HĐXX miễn xét.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Bà **Nguyễn Thị Phi K** không yêu cầu Toà án giải quyết nên miễn xét.

[3] Đối với đơn yêu cầu của ông **Mai Văn T** về đề nghị phân chia tài sản chung vợ chồng: Tại phiên toà ông **T** trình bày vợ chồng ông có giấy nợ 260.000.000đ, 01 xe máy, số lương ông đi làm một năm được khoảng hơn 100.000.000đ, một cây vàng. Quan điểm của ông đề nghị Toà án giải quyết về phần tài sản thì ông đồng ý ly hôn. HĐXX thấy: Tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự quy định “bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải”. Toà án đã triệu tập ông **T** đến tham gia tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải tuy nhiên, ông **T** vắng mặt không có lý do, nên bà **K** làm đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải. Sau khi Toà án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử ông **T** nộp cho Toà án bản phô tô liên quan đến số nợ 260.000.000 đồng và tại phiên toà ông **T** đề nghị Toà án phân chia tài sản chung nêu trên trong thời kỳ hôn nhân. Như vậy, nội dung yêu cầu của ông **T** đã vượt quá phạm vi khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Nên nếu ông **T** có yêu cầu thì khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác. HĐXX không xem xét phân chia phần tài sản chung của vợ chồng trong vụ án ly hôn này.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà **Nguyễn Thị Phi K** phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Bởi những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* *Căn cứ:* Khoản 1 Điều 28, Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273, 278 và 280 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Điều 51, 56, 57, 58/ Luật hôn nhân gia đình;

- Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và tiểu mục 1.1 mục 1 phần II danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

* *Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị Phi K**

- Về hôn nhân: Xử cho bà **Nguyễn Thị Phi K** được ly hôn với ông **Mai Văn T**.

- Về con cái: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Bà **K** không đề nghị Toà án giải quyết. Nếu ông **T** có yêu cầu thì khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

* Về án phí DSST: Bà **Nguyễn Thị Phi K** phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà **K** đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Bim Sơn theo biên lai thu số: 0004573 ngày 25/6/2024 Như vậy, bà **Nguyễn Thị Phi K** đã nộp đủ án phí DSST.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt bà **Nguyễn Thị Phi K**, có mặt ông **Mai Văn T**.

Ông **Mai Văn T** được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/8/2024).

Bà **K** được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc Toà án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND Thị xã Bim sơn;
- Dương sự;
- THA Dân sự TX Bim sơn;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- UBND phường Đông Sơn (07/10/2022);

- Lưu hồ sơ vụ án.
TỔNG THỊ HÀ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**